| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SA ĐÉC**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2018.
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Quốc Danh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hai.

Ông Phùng Hiếu Trung.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa***: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ngô Quyền, khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn H - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: lô B, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt (*có đơn*), anh Nguyễn H có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày*:**

- *Về quan hệ vợ chồng*: Vào năm 2007, chị T và anh Nguyễn H quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm và được sự đồng ý, ưng thuận của 02 bên gia đình, chị T và anh H tổ chức đám cưới vào năm 2009, đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2009 tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết

hôn chị T về sống chung với anh H tại phường A, thành phố S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi nhau; nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp; chị T thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ ngày 13/7/2016 chị Thoa về nhà mẹ ruột ở tỉnh Ninh Thuận sống cho đến nay. Từ khi chị T về nhà mẹ ruột đến nay, anh H cũng ít quan tâm chị T và con.

Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn. Chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T - sinh ngày 12/4/2011 (*hiện đang sống chung với chị T*). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi cháu T trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Nguyễn H trình bày*:**

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T về thời gian quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và thời gian ly thân là hoàn toàn đúng. Anh H thừa nhận là trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, mỗi người một cách sống nên không thể có tiếng nói chung; anh H thừa nhận từ khi chị T về nhà mẹ ruột sống đến nay, anh H chỉ đến thăm vợ con được 1 - 2 lần, do công việc bận rộn và nhà mẹ ruột chị T ở xa nên anh H không có thời gian, điều kiện đến thăm nom vợ con thường xuyên, vợ chồng không được ở cạnh nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt.

Nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, anh H không thể tiếp tục chung sống với chị T. Anh H đồng ý ly hôn chị T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T - sinh ngày 12/4/2011 (*hiện đang sống chung với chị T*). Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi cháu T trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) như chị T yêu cầu và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:** Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh Hvề việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn H là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Thoa.

**[2]** Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T về việc xin ly hôn anh Nguyễn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H quen biết tìm hiểu và tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2009 theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong đời sống chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh chị không hoà hợp tính tình, thường xuyên xung đột, chị T cho rằng anh H không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Như vậy, quan hệ vợ chồng không đạt được mục đích, ý nghĩa của hôn nhân; tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, không thể kéo dài, chị T không còn tình cảm với anh H và mong muốn được chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh H. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị T và anh H mâu thuẫn không giải quyết được và vợ chồng không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, chị T và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và nguyện vọng được ly hôn của anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn*

*nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

- Về con chung và việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Chị T và anh H có 1 con chung tên: Nguyễn Ngọc Thủy T - sinh ngày 12/4/2011 (*hiện đang sống chung với chị T*). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H đồng ý giao cháu T cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đồng thời tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 02 triệu đồng như chị T yêu cầu, thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T và anh H là phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

**[4]** Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 71, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn H.

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn H ly hôn.

*2. Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T - sinh ngày 12/4/2011 (*hiện đang sống với chị T*).

- Anh Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn H về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc Thủy T mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

*3. Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

*4. Về án phí*: Chị Nguyễn Thị K Thoa nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01292 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn H nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*).

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Danh**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND phường Đạo Long, TP Phan Rang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**Trần Quốc Danh**